

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG
TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Trần Kiên Cường
Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2013)
Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Tuấn
Ông Nguyễn Tuấn Anh
Ông Vũ Quang Huy
Bà Nguyễn Lệ Hằng
Ông Vũ Đức Mạnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2013

12500 -
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG TMCP
CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM
A - TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTQ
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		1.151.528.229.612	525.678.952.818
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	205.583.619.114	113.385.736.982
1. Tiền	111		1.583.619.114	5.385.736.982
2. Các khoản tương đương tiền	112		204.000.000.000	108.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	905.284.200.000	402.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		908.474.826.095	402.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.190.626.095)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.376.531.176	9.639.074.128
1. Trả trước cho người bán	132		109.193.380	-
2. Các khoản phải thu khác	135	7	40.267.337.796	9.639.074.128
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		283.879.322	154.141.708
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	154.141.708
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		283.879.322	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250)	200		49.560.165.869	27.514.693.268
I. Tài sản cố định	220		4.560.165.869	2.510.749.031
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.487.430.143	2.396.777.309
- Nguyên giá	222		5.635.383.680	2.664.780.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.147.953.537)	(268.002.691)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	72.735.726	113.971.722
- Nguyên giá	228		123.708.000	123.708.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.972.274)	(9.736.278)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		45.000.000.000	25.003.944.237
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	10	45.000.000.000	25.003.944.237
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.201.088.395.481	553.193.646.086

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTQ
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		197.608.693.962	11.547.215.940
I. Nợ ngắn hạn	310		197.608.693.962	11.547.215.940
1. Phải trả người bán	312		-	74.665.450
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	13.092.957.305	10.516.447.948
3. Phải trả người lao động	315		3.608.596.426	12.799.553
4. Chi phí phải trả	316		478.333.333	105.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	180.239.906.493	838.302.989
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		188.900.405	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	13	1.003.479.701.519	541.646.430.146
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		950.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.164.643.015	-
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.082.321.507	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		47.232.736.997	41.646.430.146
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.201.088.395.481	553.193.646.086

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
			VND	VND
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006			
Trong đó				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		9.974.826.095	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		852.500.000.000	252.500.000.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		20.385.919.158	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		20.309.263.148	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		76.656.010	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	14	720.407.937.687	363.847.103.400
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		718.967.937.687	363.847.103.400
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		1.440.000.000	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	15	6.819.647.350	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	16	20.065.890.000	-




Nguyễn Thị Thanh Tú
 Người lập biểu



Hoàng Thị Dung
 Phụ trách kế toán




 Nguyễn Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-CTQ
 Đơn vị tính: VND

Từ ngày 26 tháng
 10 năm 2010 đến
 ngày 31 tháng 12
 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2012	2011
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	17	14.294.192.756	5.601.800.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		14.294.192.756	5.601.800.727
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	18	2.608.172.953	52.267.742
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		11.686.019.803	5.549.532.985
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	78.846.752.970	53.267.773.466
7. Chi phí tài chính	22	20	8.424.721.719	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	18.973.910.276	2.812.877.907
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		63.134.140.778	56.004.428.544
10. Thu nhập khác	31		-	17.000.000
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	17.000.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		63.134.140.778	56.021.428.544
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	15.901.403.781	14.142.328.229
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		47.232.736.997	41.879.100.315



Nguyễn Thị Thanh Tú
 Người lập biểu

Ngày 26 tháng 3 năm 2013



Hoàng Thị Dung
 Phụ trách Kế toán



Nguyễn Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-CTQ
 Đơn vị tính: VND

Từ ngày 26 tháng
 10 năm 2010 đến
 ngày 31 tháng 12
 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	63.134.140.778	56.021.428.544
2. Điều chỉnh có các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	921.186.842	277.738.969
Các khoản dự phòng	03	3.190.626.095	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(78.846.752.970)	(53.267.773.466)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(11.600.799.255)	3.031.394.047
Thay đổi các khoản phải thu	09	(443.253.035)	(377.435.032)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	183.476.346.178	1.153.850.022
Thay đổi chi phí trả trước	12	154.141.708	(154.141.708)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.308.383.463)	(3.748.962.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	158.278.052.133	(95.294.982)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.970.603.680)	(2.788.488.000)
2. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(496.000.000.000)	(150.000.000.000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(29.978.770.332)	(277.500.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.268.669.635	44.002.190.133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(480.680.704.377)	(386.286.297.867)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	450.000.000.000	500.000.000.000
2. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.399.465.624)	(232.670.169)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	414.600.534.376	499.767.329.831
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	92.197.882.132	113.385.736.982
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	113.385.736.982	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	205.583.619.114	113.385.736.982



Nguyễn Thị Thanh Tú
 Người lập biểu

Ngày 26 tháng 3 năm 2013



Hoàng Thị Dung
 Phụ trách Kế toán


 Nguyễn Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 8 năm 2012.

Công ty mẹ của Công ty là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 43 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 29 người), trong đó 7 người đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, cụ thể như sau:

Họ tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp	Vị trí công tác
Nguyễn Anh Tuấn	000717/QLQ	26 tháng 10 năm 2010	Tổng Giám đốc
Quản Lê Phương Quy	000721/QLQ	05 tháng 05 năm 2011	Phó phòng Phát triển kinh doanh
Vũ Đức Mạnh	000716/QLQ	26 tháng 10 năm 2010	Phó Tổng Giám đốc
Đình Quốc Đông	000190/QLQ	17 tháng 04 năm 2009	Trưởng phòng nghiên cứu và phân tích
Nguyễn Tuấn Hùng	000720/QLQ	05 tháng 05 năm 2011	Nhân viên
Trần Thị Ngọc Tài	000060/QLQ	27 tháng 02 năm 2009	Kiểm soát viên Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ
Nguyễn Thanh Hà	000315/QLQ	17 tháng 06 năm 2009	Nhân viên

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

Ngày 05 tháng 9 năm 2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 125/2011/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Công ty đã áp dụng Thông tư này cho việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được thay đổi. Đồng thời, các số dư phản ánh hoạt động nhận ủy thác đầu tư sẽ chỉ được theo dõi ngoại bảng. Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, không ghi nhận các số dư liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư, cho mục đích so sánh. Ảnh hưởng của việc trình bày lại được thể hiện ở thuyết minh số 25.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Các khoản đầu tư

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các khoản chứng khoán đầu tư. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán không có giao dịch hoặc giao dịch không đáng kể trên thị trường không chính thức (OTC), giá chứng khoán được Công ty đánh giá căn cứ theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lũy kế tới kỳ gần nhất, cùng với kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo và thông tin đáng tin cậy về các giao dịch thành công gần ngày báo cáo.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư (Tiếp theo)

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

	<u>Năm 2012</u>
	Số năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng là 3 năm.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở vốn thực góp của chủ sở hữu tại Công ty theo tổng số vốn điều lệ đã được đăng ký.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển về cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của chủ sở hữu Công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ không theo quy định hiện hành mà sẽ do chủ sở hữu công ty quyết định. Hàng năm khi kết thúc niên độ kế toán tài chính, căn cứ vào phê duyệt của HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty thực hiện hạch toán và sử dụng các quỹ sau:

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ này dùng để bổ sung vào vốn điều lệ của Công ty

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

Hiện tại, Công ty chưa tiến hành trích lập các quỹ này do chưa có phê duyệt chính thức của Hội đồng Thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Phí quản lý: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức: Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	270.487.254	534.586.183
Tiền gửi ngân hàng	1.313.131.860	4.851.150.799
Các khoản tương đương tiền	204.000.000.000	108.000.000.000
	<u>205.583.619.114</u>	<u>113.385.736.982</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư cổ phiếu				
- Tổng Công ty thép Việt Nam	25.000.000	252.500.000.000	25.000.000	252.500.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	141.000	3.368.663.220	-	-
- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	120.000	3.678.405.875	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	321.000	2.927.757.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng				
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong		46.000.000.000	-	-
Trái phiếu sẵn sàng để bán				
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	150	150.000.000.000	150	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Bitexco Nho Quế	450	450.000.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.190.626.095)		-
		905.284.200.000		402.500.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu và trái phiếu không có thông tin giao dịch trên thị trường chứng khoán chưa niêm yết (OTC). Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư này trên cơ sở tình hình tài chính và triển vọng của các công ty được đầu tư và tin tưởng rằng, không có dấu hiệu suy giảm giá trị đối với các khoản đầu tư này.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự thu lãi tiền gửi	1.629.083.334	126.000.000
Dự thu lãi trái phiếu	38.214.583.334	9.139.583.333
Dự thu phí quản lý	421.671.128	373.490.795
Khác	2.000.000	-
	40.267.337.796	9.639.074.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> VND	<u>Thiết bị văn phòng</u> VND	<u>Tổng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	1.189.460.000	1.475.320.000	2.664.780.000
Tăng trong năm	2.327.600.000	643.003.680	2.970.603.680
Tại ngày 31/12/2012	<u>3.517.060.000</u>	<u>2.118.323.680</u>	<u>5.635.383.680</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	68.834.491	199.168.200	268.002.691
Khấu hao trong năm	504.835.811	375.115.035	879.950.846
Tại ngày 31/12/2012	<u>573.670.302</u>	<u>574.283.235</u>	<u>1.147.953.537</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.120.625.509</u>	<u>1.544.040.445</u>	<u>4.487.430.143</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.943.389.698</u>	<u>1.276.151.800</u>	<u>2.396.777.309</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	123.708.000
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2012	<u>123.708.000</u>
GIÁ TRỊ HAO LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	9.736.278
Khấu hao trong năm	41.235.996
Tại ngày 31/12/2012	<u>50.972.274</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	<u>72.735.726</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>113.971.722</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ đầu tư (%)	31/12/2012		31/12/2011	
		Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	50	2.500.000	25.000.000.000	2.500.000	25.003.944.237
Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Mỹ Đình	20	2.000.000	20.000.000.000	-	-
			45.000.000.000		25.003.944.237

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.986.386.236	10.393.365.918
Thuế thu nhập cá nhân	106.571.069	123.082.030
	13.092.957.305	10.516.447.948

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản phải trả về mua bán chứng khoán	180.000.000.000	-
Khác	239.906.493	838.302.989
	180.239.906.493	838.302.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động công ty quản lý quỹ số 45/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 8 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 950.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Theo Giấy		Vốn đã góp tại ngày	
	chứng nhận đầu tư	sửa đổi	31/12/2012	31/12/2011
	VND	%	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	950.000.000.000	100%	950.000.000.000	500.000.000.000
	950.000.000.000	100%	950.000.000.000	500.000.000.000

14. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Nhà đầu tư ủy thác trong nước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	19.150.400.000	-
Cổ phiếu không niêm yết	249.229.430.000	-
Trái phiếu	50.000.000.000	283.847.103.400
Tiền gửi có kỳ hạn	35.588.107.687	80.000.000.000
Đầu tư khác	365.000.000.000	-
	718.967.937.687	363.847.103.400

Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

Cổ phiếu không niêm yết	1.440.000.000	-
	1.440.000.000	-

15. CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Các khoản phải thu nhà đầu tư ủy thác thể hiện khoản lãi dự thu của các khoản ủy thác đầu tư.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Các khoản phải trả nhà đầu tư ủy thác thể hiện khoản tiền nhà đầu tư ủy thác mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess nhưng chưa thanh toán với số tiền là 20.065.890.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU

	2012	Từ ngày 26/10/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	-	-
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	6.663.851.290	4.238.164.363
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	1.630.341.466	-
Doanh thu khác	6.000.000.000	1.363.636.364
	14.294.192.756	5.601.800.727

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2012	Từ ngày 26/10/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	2.608.172.953	52.267.742
	2.608.172.953	52.267.742

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	Từ ngày 26/10/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	12.298.963.896	27.402.938.590
Lãi đầu tư tài chính	66.387.500.000	17.773.611.155
Cổ tức, lợi nhuận được chia	141.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	19.289.074	8.091.223.721
	78.846.752.970	53.267.773.466

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Từ ngày 26/10/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.190.626.095	-
Chi phí tài chính khác	5.234.095.624	-
	8.424.721.719	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2012	Từ ngày 26/10/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.868.141.368	174.954.136
Chi phí công cụ làm việc	1.049.426.640	345.839.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	921.186.842	277.738.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.229.503.091	4.863.000
Chi phí khác	3.905.652.335	2.009.481.803
	18.973.910.276	2.812.877.907

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	Từ ngày 26/10/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	63.134.140.778	56.021.428.544
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	141.000.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	612.474.345	547.884.371
Thu nhập chịu thuế	63.605.615.123	56.569.312.915
<i>Thuế suất</i>	<i>25%</i>	<i>25%</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.901.403.781	14.142.328.229
Chi phí TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	15.901.403.781	14.142.328.229

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	205.583.619.114	113.385.736.982
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	905.284.200.000	402.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	40.376.531.176	9.639.074.128
Tổng	1.151.244.350.290	525.524.811.110
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	-	74.665.450
Chi phí phải trả	478.333.333	105.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	180.239.906.493	838.302.989
Tổng	180.718.239.826	1.017.968.439

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các tài sản và công nợ tài chính của công ty đều bằng đồng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của công ty. Đây là khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất trong năm 2012 vì các khoản tiền gửi của Công ty đều có lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Thành viên của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty có giá trị là 252.000.000.000 VND. Công ty chịu rủi ro về giá của các cổ phiếu này. Tuy nhiên Công ty chưa lượng hóa được mức độ rủi ro vì không có thông tin về giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Thành viên của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền gửi ngân hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	205.583.619.114	-	205.583.619.114
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	905.284.200.000	-	905.284.200.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	40.376.531.176	-	40.376.531.176
Tổng cộng	1.151.244.350.290	-	1.151.244.350.290
31/12/2012			
Chi phí phải trả	478.333.333	-	478.333.333
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	180.239.906.493	-	180.239.906.493
Tổng cộng	180.718.239.826	-	180.718.239.826
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.385.736.982	-	113.385.736.982
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	402.500.000.000	-	402.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	9.639.074.128	-	9.639.074.128
	525.524.811.110	-	525.524.811.110
31/12/2011			
Phải trả người bán	74.665.450	-	74.665.450
Chi phí phải trả	105.000.000	-	105.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	838.302.989	-	838.302.989
Tổng cộng	1.017.968.439	-	1.017.968.439

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012	Từ ngày 26/10/2010
	VND	đến ngày 31/12/2011
		VND
Doanh thu phí ủy thác đầu tư		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	881.755.557	2.047.200.945
- Công ty TNHH MTV Bảo Hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	264.817.203	-
- Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	120.138.889	-
Lãi từ hợp đồng tiền gửi		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.593.571.068	25.509.749.704
Lãi từ đầu tư trái phiếu		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	2.108.333.375
Lãi từ tài khoản tiền gửi của nhà ủy thác		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.759.641.897	-

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có các số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Quản lý vốn ủy thác đầu tư		
- Công ty TNHH MTV Bảo Hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	50.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.047.722	180.000.000.000
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.157.108.740	4.849.925.851
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	197.000.000.000	11.000.000.000
Tiền gửi không kỳ hạn của nhà đầu tư ủy thác tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	20.385.919.158	-
Tiền gửi có kỳ của nhà đầu tư ủy thác hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.588.107.687	-
Phải trả khác của Ngân hàng Indovina	180.000.000.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012	Từ ngày 26/10/2010
	VND	đến ngày 31/12/2011
		VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.828.796.173	1.419.468.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho ngày 26 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Một số chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 26 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Ghi chú	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011		
		Số đã trình bày	Thay đổi	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tiền gửi ngân hàng	(i)	112.851.150.799	(108.000.000.000)	4.851.150.799
Các khoản tương đương tiền	(i)	-	108.000.000.000	108.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	(ii) & (iii)	616.347.103.400	(213.847.103.400)	402.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(ii)	150.000.000.000	(150.000.000.000)	-
NỢ PHẢI TRẢ				
Phải trả người ủy thác đầu tư	(iii)	363.847.103.400	(363.847.103.400)	-

Khoản mục	Ghi chú	Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011		
		Số đã trình bày	Thay đổi	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
Chứng khoán của người ủy thác đầu tư trong nước	(iii)	Không trình bày	180.000.000.000	180.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư trong nước	(iii)	Không trình bày	183.847.103.400	183.847.103.400
Phải trả các nhà ủy thác đầu tư	(iii)	Không trình bày	363.847.103.400	363.847.103.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Khoản mục	Ghi chú	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày		
		26 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011		
		Số đã trình bày	Thay đổi	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(iv)	-	(53.267.773.466)	(53.267.773.466)
Thay đổi các khoản phải thu	(iv)	(9.639.074.128)	9.261.639.096	(377.435.032)
Thay đổi chứng khoán tự doanh	(v)	(252.500.000.000)	252.500.000.000	-
Thay đổi chứng khoán của nhà ủy thác đầu tư	(iii)	(180.000.000.000)	180.000.000.000	-
Tăng giảm đầu tư khác của nhà ủy thác đầu tư	(iii)	(183.847.103.400)	183.847.103.400	-
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	(iii)	365.000.953.422	(363.847.103.400)	1.153.850.022
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	(iv)	(250.000.000.000)	100.000.000.000	(150.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	(iv)	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(v)	(25.000.000.000)	(252.500.000.000)	(277.500.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	(iv)	(3.944.237)	44.006.134.370	44.002.190.133
(i)	Khoản phân loại lại phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006.			
(ii)	Khoản phân loại lại phản ánh đầu tư vào trái phiếu Công ty Cổ phần Bitexco Nho Quế với mục đích nắm giữ của Công ty là kinh doanh và mua bán lại.			
(iii)	Khoản trình bày lại phản ánh các khoản đầu tư ủy thác không chịu rủi ro và nguồn vốn nhận ủy thác không chịu rủi ro được trình bày trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.			
(iv)	Khoản trình bày lại để phản ánh đúng bản chất của giao dịch trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày ngày 26 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.			
(v)	Khoản trình bày lại để phản ánh việc thay đổi các chỉ tiêu trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo quy định của Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.			



Nguyễn Thị Thanh Tú
 Người lập biểu



Hoàng Thị Dung
 Phụ trách Kế toán



Nguyễn Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2013